TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/DS-ST
Ngày: 13 - 7 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương;

2. Ông Phạm Công Hạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; địa chỉ: phố H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch N, Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Hải Phòng (văn bản ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 và số 445^{A}/QĐ-BIDV.LT ngày 28/10/2017 của Ngân hàng TMCP Đ); có mặt.

2. Bị đơn:

Ông Bùi Văn V, sinh năm 1982;

Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1986.

Cùng thường trú: Thôn 1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn (qua đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa) trình bày: Trước đây, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P nay là Ngân hàng thương mại cổ

phần Đ (sau đây gọi tắt là ngân hàng) với vợ chồng ông Bùi Văn V bà Trịnh Thị N trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và ký hợp đồng tín dụng số T.A.2025.12/HĐTD ngày 06 tháng 6 năm 2012. Một số nội dung cơ bản của hợp đồng tín dụng: Ngân hàng cho ông V bà N vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích để ông V bà N mua sắm trang thiết bị gia đình; thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày bên vay nhận nợ vay đầu tiên; lãi suất vay kỳ đầu tiên là 21%/năm, các kỳ tiếp theo sẽ được điều mức lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay; phương án trả nợ, nợ gốc và lãi được trả hàng tháng (trong 36 tháng). Ngoài ra, hợp đồng tín dụng được hai bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng và về quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bên vay, ngân hàng và ông V bà N đã thỏa thuận ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2025.13/HĐTC ngày 06 tháng 6 năm 2013. Theo hợp đồng, bên nhận thế chấp là ngân hàng, bên thế chấp là ông V bà N, tài sản thế chấp là quyền sử dụng 181m^2 đất ở lâu dài, tại Thôn 1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, vị trí đất được ghi số thửa 818 tại tờ bản đồ số 06. Quyền sử dụng đất này đã được UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 125403, vào sổ cấp GCN số CH/00311 ngày 24/02/2011 cho ông Bùi Văn V và bà Trịnh Thị N. Nghĩa vụ được bảo đảm là nghĩa vụ hoàn trả nợ vay của ông V bà N đối với ngân hàng. Hợp đồng thế chấp được công chứng ngày 06/6/2012 và được đăng ký thế chấp ngày 07/6/2012.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 06/6/2012 ngân hàng và ông V bà N đã ký giấy nhận nợ có nội dung: Ngân hàng đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản 114.000.000 đồng, giao tiền mặt 36.000.000 đồng, ông V bà N đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng theo đúng Hợp đồng tín dụng. Quá trình sử dụng vốn vay, ông V bà N đã trả được số nợ gốc là 77.990.000 đồng và một phần nợ lãi. Sau đó, ông V bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng ông V và N vẫn không trả nợ. Đến ngày 17/11/2014, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay của ông V bà N còn thiếu sang nợ xấu. Nay, ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông V bà N có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 13/7/2017 là 123.623.789 đồng (bao gồm nợ gốc 72.010.000 đồng, nợ lãi trong hạn 37.818.052 đồng, nợ lãi quá hạn 13.795.737 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/7/2017 đến khi ông V bà N trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông V bà N không trả được nợ, đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Ông Bùi Văn V và bà Trịnh Thị N là bị đơn (qua bản tự khai và tại biên bản hòa giải) có ý kiến thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với ngân hàng. Ông bà đã nhận đủ số tiền vay là 150.000.000 đồng. Ông bà cũng đã trả nợ được một phần số tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng. Tuy nhiên, sau này do làm ăn kinh tế khó khăn nên ông bà đã không thể thực hiện được việc trả nợ cho ngân

hàng đúng như cam kết trong hợp đồng tín dụng. Ông bà đề nghị ngân hàng tạo điều kiện để cho ông bà trả chậm số tiền nợ trong một khoảng thời gian và giảm số tiền lãi cho ông bà. Trong trường hợp ông bà không trả được thì ông bà sẽ tự nguyện để cho ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến quy định tại Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Bùi Văn V và bà Trịnh Thị N là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện của ngân hàng yêu cầu ông Bùi Văn V bà Trịnh Thị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Xét hợp đồng tín dụng số T.A.2025.12/HĐTD ngày 06/6/2012 giữa ngân hàng với ông V bà N đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là ngân hàng với bên vay là ông V bà N. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là ngân hàng đã giải ngân, ông V bà N đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng. Như vậy, ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

Việc ông V bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc ông V bà N phải thanh toán số tiền 123.623.789 đồng (gồm nợ gốc 72.010.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 37.818.052 đồng, nợ lãi quá hạn 13.795.737 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/7/2017 cho đến khi ông V bà N trả hết nợ.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của ngân hàng trong trường hợp ông Bùi Văn V bà Trịnh Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2025.12/HĐTC ngày 06/6/2012 giữa ông Bùi Văn V và bà Trịnh Thị N với ngân hàng đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên nhận thế chấp là ngân hàng với bên thế chấp là ông V bà N. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện quyền nghĩa vụ của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Do đó, hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng.

Do đó, trong trường hợp ông V bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng thì ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ là thực hiện đúng hợp đồng thế chấp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về áp dụng pháp luật, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp được các bên ký kết và thực hiện tại thời điểm Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 có hiệu lực pháp luật và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng này đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự để áp dụng Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng giải quyết vụ án.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên ông Bùi Văn V và bà Trịnh Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 466; Điều 320 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, buộc ông Bùi Văn V và bà Trịnh Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 123.623.789 đồng (bao gồm nợ gốc 72.010.000 đồng, nợ lãi trong hạn 37.818.052 đồng, nợ lãi quá hạn 13.795.737 đồng).

Ông Bùi Văn V và bà Trịnh Thị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

- Trong trường hợp ông Bùi Văn V và bà Trịnh Thị N không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản được quyền xử lý là quyền sử dụng 181m^2 đất và các tài sản gắn liền với đất, tại Thôn 1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, vị trí đất được ghi số thửa 818 tại tờ bản đồ số 06. Quyền sử dụng đất này đã được UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 125403, vào sổ cấp GCN số CH/00311 ngày 24/02/2011 cho ông Bùi Văn V và bà Trịnh Thị N.

Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thi hành nghĩa vụ của bên vay đồng thời là bên thế chấp tài sản nếu xảy ra tranh chấp thì người có quyền sở hữu chung đối với tài sản này, Chấp hành viên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự được quy định tại khoản 12 Điều 26; khoản 9 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 74 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Ông Bùi Văn V và bà Trịnh Thị N có nghĩa vụ nộp 6.181.000 đồng (sáu triệu một trăm tám mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 2.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (biên lai thu tiền số 0000703 ngày 02/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T).

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Bùi Văn V và bà Trịnh Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên
- TAND TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Phương